

Số 561 -TB/VPTU

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản công là 08 xe ô tô phục vụ công tác chung do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý, sử dụng

- Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

- Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP, ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 37/2024/QH15;

- Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP, ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

- Căn cứ Nghị định số 52/2026/NĐ-CP, ngày 02/02/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 826-QĐ/TU, ngày 02/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan, đơn vị của Đảng cấp tỉnh;

- Căn cứ Quyết định số 924-QĐ/TU, ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thanh lý xe ô tô phục vụ công tác chung do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý, sử dụng;

- Căn cứ Quyết định số 189-QĐ/VPTU, ngày 25/9/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá tài sản công là 08 xe ô tô phục vụ công tác chung do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý, sử dụng.

Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh thông báo việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản công là 08 xe ô tô phục vụ công tác chung do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý, sử dụng, như sau:

1. Tên đơn vị có tài sản đấu giá

- Tên đơn vị: Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh.

- Địa chỉ (Cở sở 1): Số 118, đường Trương Định, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.

2. Thông tin tài sản bán đấu giá

(1) Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry 24G; biển kiểm soát: 70A-001.43; số chỗ ngồi: 05; số máy: 2AZ0914245; số khung: ACV308000300; năm sản xuất: 2002. **Giá khởi điểm: 103.500.000 đồng.** (Bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

(2) Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry; biển kiểm soát: 70A-001.14; số chỗ ngồi: 05; số máy: 5S-7105203; số khung: 4T1BG22K21U871566; năm sản xuất: 2001. **Giá khởi điểm: 78.750.000 đồng.** (Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

(3) Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Lexus GX470; biển kiểm soát: 70A-003.37; số chỗ ngồi: 08; số máy 2UZ1249929; số khung 20X280153948; năm sản xuất: 2007. **Giá khởi điểm: 487.665.000 đồng.** (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

(4) Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla Altis ZZE122L-GEMEKH; biển kiểm soát: 62A-002.80; số chỗ ngồi: 5; số máy: 1ZZ0854519; số khung: ZE1227500473; năm sản xuất: 2001. **Giá khởi điểm: 63.495.000 đồng.** (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

(5) Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla Altis ZZE122L-GEMEKH; biển kiểm soát: 62P-0601; số chỗ ngồi: 5; số máy: 1ZZ-1421185; số khung: ZZE122-7503027; năm sản xuất: 2003. **Giá khởi điểm: 70.380.000 đồng.** (Bằng chữ: Bảy mươi triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng).

(6) Xe ô tô nhãn hiệu Toyota LANDCRUISER; biển kiểm soát: 62A-006.21; số chỗ ngồi: 8; số máy: 1FZ0521672; số khung: JTEHJ09J825044504; Năm sản xuất: 2002. **Giá khởi điểm: 20.880.000 đồng.** (Bằng chữ: Hai mươi triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng).

(7) Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla Altis; biển kiểm soát: 62P-0738; số chỗ ngồi: 5; số máy: 1ZZ-4383986; số khung: ZZE122-7505761; năm sản xuất: 2004. **Giá khởi điểm: 98.100.000 đồng.** (Bằng chữ: Chín mươi tám triệu, một trăm ngàn đồng).

(8) Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla ZRE142L-GEFGKH; biển kiểm soát: 62A-000.26; số chỗ ngồi: 5; số máy: 2ZRX178143; số khung: RL4BC42EXC5007059; năm sản xuất: 2012. **Giá khởi điểm: 213.000.000 đồng.** (Bằng chữ: Hai trăm mười ba triệu đồng).

- Hình thức đấu giá: Đấu giá nguyên chiếc.

Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đăng ký để được lựa chọn phải đảm bảo các yêu cầu theo Phụ lục I bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản của Thông tư số 19/2024/TT-BTP, ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 37/2024/QH15 như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...)	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0

1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3.0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3.0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(x \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0

6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0
7.1	Dưới 5 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức	8,0

	tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	
1.	Là tổ chức hành nghề đấu giá chuyên nghiệp có trụ sở chính tại Tây Ninh (Không bao gồm trụ sở chi nhánh)	3,0
2.	Đã tổ chức cuộc đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	2,0
3	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	2,0
4.	Tiêu chí khác: Tổ chức hành nghề đấu giá có nhiều đấu giá viên đã từng hành nghề tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản – Sở Tư pháp hoặc là giảng viên của Học Viện tư pháp giảng dạy về các hoạt động đấu giá tài sản cũng như các hoạt động khác (có hồ sơ tài liệu chứng minh)	1,0
	Tổng số điểm	100,00

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Thời gian: 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (Trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá: Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh; Địa chỉ: Số 118, đường Trương Định, phường Long An, tỉnh Tây Ninh. (Thông tin liên hệ: Đ/c Nguyễn Văn Hoang, Phó Trưởng phòng Quản trị. Điện thoại: 0937.827.961).

Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản phải trình bày rõ ràng, khoa học, trình tự và tự chấm điểm cho các tiêu chí lựa chọn nêu tại khoản 3 của Thông báo này.

Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh sẽ thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia thuộc Bộ Tư pháp và có văn bản liên hệ tới tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn.

Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh thông báo đến các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và đăng ký.

Nơi nhận:

- Cổng đấu giá tài sản quốc gia;
- Trang Thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các phòng thuộc Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Quốc An

